**TÀI LIỆU NGỮ VĂN 6**

Các em thân mến ! Để không bị gián đoạn chương trình theo kế hoạch của Bộ Giáo Dục trong thời gian nghỉ chống dịch thì chúng ta vẫn tiếp tục ôn lại kiến thức của từng bộ môn . Tiếp tục chương trình học kì II môn Ngữ Văn 6 cô biên soạn nội dung từng tuần , tiết , bài cho các em học ***( các em lưu ý các em phải chép hết tài liệu này vào vở học và làm bài tập cô cho. Sau khi học trở lại cô sẽ kiểm tra tập vở và lấy điểm, em nào không có xem như không có điểm). Chép và làm bài xong chụp lại hình gửi cho cô trên trang cá nhân zalo của cô để cô kiểm tra*.**

Khi nào cô yêu cầu các em làm bài kiểm tra thì các em làm và nộp đúng thời gian cô yêu cầu, ai chậm trễ xem như không có bài, nộp cho giáo viên chủ nhiệm, có gì không hiểu các em gọi trực tiếp trao đổi với cô theo SĐT: 0962288097 trên Zalo nhé!

***Giáo viên*** :**NGUYỄN THỊ THU HIỀN**

Tuần 23 tiết 83

 Văn bản: **VƯỢT THÁC (**Võ Quảng)

**I. Tìm hiểu chung :**

**1. Tác giả, Tác phẩm :**SGK trang 39

-**Phương thức biểu đạt :**  Miêu tả kết hợp tự sự.

**II. Đọc - Hiểu văn bản**:

1. **Cảnh dòng sông và hai bên bờ :**

- Thuyền rẽ sóng bon bon, xuôi chầm chậm.

- Vườn dâu bạt ngàn

- Vườn tược um tùm, cổ thụ đứng trầm ngâm.

- Nước trên cao phóng xuống

- Chảy quanh co. ruộng đồng mở ra.

=> Kết hợp Kể + Tả, So sánh, Nhân hoá …Cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng, hùng vĩ, hiểm trở.

**2. Cảnh dượng Hương Thư chèo thuyền vượt thác:**

- Ngoại hình :

+ Đánh trần…như một pho tượng đồng đúc.

+ Bắp thịt cuồn cuộn, răng cắn chặt, hàm…, mắt nảy lửa.

 - Hành động : co, phóng, ghì, lấy thế trụ, thả, rút, nhanh như cắt…

=> So sánh, động từ, từ ngữ giàu hình ảnh.Dượng Hương Thư khoẻ mạnh, dày dạn kinh nghiệm, có bản lĩnh, dũng cảm.

**III. Tổng kết**:

 **1. Nghệ thuật:**

- Phối hợp miêu tả cảnh thiên nhiên và miêu tả ngoại hình, hành động của con người.

- Sử dụng phép nhân hóa, so sánh phong phú và có hiệu quả.

- Lựa chọn các chi tiết miêu tả đặc sắc, có chọn lọc.

- Sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh, biểu cảm và gợi nhiều liên tưởng.

**2.Ý nghĩa:**

- Vượt thác là một bài ca về thiên nhiên, đất nước quê hương, về lao động ; từ đó đã kín đáo nói lên tình yêu đất nước, dân tộc của nhà văn.

**IV. Dặn dò:** Chép bài vô vở **,** đọc lại vbản. Nắm được tác giả tác phẩm .Học thuộc tổng kết

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 23 tiết 84 *Tiếng Việt:* **SO SÁNH ( TT )**

**I. Các kiểu so sánh :**

**1. VD : SGK**

 Nhöõng ngoâi sao saùng ngoaøi kia

***Chaúng baèng*** meï ñaõ thöùc vì chuùng con->So saùnh khoâng ngang baèng

 Đêm nay con ngủ giấc tròn

 Meï ***laø*** ngoïn gioù…->So saùnh ngang baèng

=>Có 2 kiểu so sánh thường gặp: So sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng.

**2. Kết luận**(ghi nhớ 1 sgk trang 42)

**II. Tác dụng của so sánh:**

VD : Đoạn văn SGK-> Tác dụng của phép tu từ so sánh vừa có tác dụng gợi hình giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động, vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

2. Kết luận(ghi nhớ 2sgk trang 42)

**III. Luyện tập : Bài tập 1,2 SGK trang 43**

**Bài tập 1** Các phép so sánh và kiểu so sánh trong các đoạn thơ

a. Là -> ngang bằng b. Chưa bằng -> không ngang bằng.

c. Như -> ngang bằng

**Bài tập 2 :**Câu văn có sử dụng phép so sánh trong bài vượt thác:

- Núi cao ***như***đột nhiên hiện ra…

- Dượng Hương Thư ***như*** một pho tượng…

- Dượng Hương Thư đang vượt thác ***khác*** hẳn…

\* Em thÝch h×nh ¶nh: d­îng H­¬ng Th­ nh­ mét pho t­îng ®ång ®óc... gièng nh­ mét hiÖp sÜ cña Tr­êng S¬n oai linh...V× qua h×nh ¶nh ta thÊy ®­îc trÝ t­ëng t­îng phong phó cña t¸c gi¶

- H×nh ¶nh nh©n vËt hiÖn lªn khoÎ, ®Ñp, hµo hïng.

- ThÓ hiÖn søc m¹nh vµ kh¸t väng chinh phôc thiªn nhiªn cña con ng­êi.

**Bài tập 3 :** Các em đọc kỹ yêu cầu bài sgk trang 43 và làm vào vở.

**VI. Dặn dò:** Học ghi nhớ 1và 2. Nắm vững nội dung bài học để áp dụng vào giao tiếp, viết văn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 23 tiết 85 Tập làm văn: **PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH**

**I. Ph­¬ng ph¸p viÕt v¨n t¶ c¶nh:**

**1. Tìm hiểu VD**: Đọc các văn bản trong SGK trang 45

a. Qua hình ảnh dượng Hương Thư, người đọc có thể hình dung khúc sông có nhiều thác dữ, nhờ miêu tả ngoại hình và các động tác của nhân vật.

b. Tả cảnh dòng sông Năm Căn và cảnh hai bên bờ sông theo trình tự : Từ dưới sông nhìn lên bờ.Từ gần đến xa.

c. Tả cảnh lũy tre làng. Bài văn 3 phần :

- MB: “lũy làng … của lũy”: Tả khái quát về lũy làng.

- TB: tiếp đến … “không rõ”: Tả cụ thể 3 vòng tre.

- KB: còn lại: Phát biểu cảm nghĩ và nhận xét về loài tre.

**2. Kết luận:** Ghi nhớ SKG Trang 47

**III. Luyện tập : Các bài tập 1,2,3 SGK trang 47**

**Bài tập 1** :Các em đọc yêu cầu đề bài trong SGK

a. + Từ ngoài vào trong ( theo thứ tự không gian )

+ Từ lúc trống vào đến hết tiết (theo thứ tự thời gian ).

- Những hình ảnh cụ thể có thể lựa chọn: Cảnh hs nhận đề. Cảnh hs chăm chú làm bài. Cảnh thu bài, Cảnh ngoài lớp học ….

b.Kết hợp cả 2 trình tự trên

**Bµi 2: T¶ c¶nh s©n tr­êng lóc ra ch¬i:**

|  |  |
| --- | --- |
|  a. C¶nh t¶ theo tr×nh tù thêi gian - Trèng hÕt tiÕt 2, b¸o giê ra ch¬i ®· - HS tõ c¸c líp ïa ra s©n tr­êng- c¶nh HS ch¬i ®ïa- C¸c trß ch¬i quen thuéc- Trèng vµo líp, HS vÒ líp- c¶m xóc cña ng­êi viÕt | b. C¸ch t¶ theo tr×nh tù kh«ng gian:- C¸c trß ch¬i gi÷a s©n tr­êng, c¸c gãc s©n- Mét trß ch¬i ®Æc s¾c, míi l¹, s«i ®éng. |

**Bài tập 3 : Làm vào vở lập dàn ý bài văn Biển đẹp SGK /47**

**KIỂM TRA: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN TẢ CẢNH**

**Đề bài:** Tả lại khu vườn nhà em trong một buổi sáng đẹp trời.

(Các em thân mến! Các em tự học, nghiên cứu kiến thức trong các tài liệu và hoàn thành cho cô bài viết này vào giấy kiểm tra nhé. **Nộp lại cho cô giáo chủ nhiệm sau 1 tuần** kể từ khi các em nhận được đề. Nếu em nào không làm, không nộp thì sẽ bị điểm không.)

Chúc các em làm bài tốt!

Tuần 23 tiết 86, 87 *Văn bản*: **BUỔI HỌC CUỐI CÙNG**(An –Phông –Xơ –Đô–Đê)

**I. Tìm hiểu chung :**

1. Tác giả, tác phẩm : (sgk trang 54 )

3. Phương thức biểu đạt **:**Miêu tả, tự sự, biểu cảm

**II. Đọc - Hiểu văn bản**

**1. Nhân vật Ph-răng :**

- Tâm trạng: + Trước buổi học (sợ định trốn … nhưng cưỡng lại được).

+ Trên đường, ở trường => ngạc nhiên

+ Trong buổi học: Biết đây là buổi học cuối cùng →Choáng váng, sững sờ, nuối tiếc, ân hận.

- Khi đọc bài → từ ân hận → xấu hổ, tự giận mình

- Khi thầy giảng ngữ pháp → thấy thật rõ ràng, dễ hiểu.

- Ý nghĩ : A quân khốn nạn...........Liệu người ta … =>Miêu tả , câu biểu cảm, ẩn dụ .Ph - răng hồn nhiên, chân thật, biết lẽ phải. Yêu tiếng Pháp, quí trọng và biết ơn thầy.-> Biểu hiện của lỏng yêu nước.

**2. Nhân vật thầy Ha-men**

- Trang phục : Áo rơ – đanh – gốt diềm lá sen, mũ lụa đen thêu -> trang trọng.

- Thái độ : Ân cần, dịu dàng...-> yêu nghề, yêu trẻ

+ Lời nói: “ Ôi ! Tai hoạ lớn … ngày mai ”; “ Thế nào! Các người … của các người ”; “ Thế rồi … chìa khoá chốn lao tù ”. → Sâu sắc, tha thiết .

- Hành động cử chỉ cuối buổi học: đứng trên bục giảng người tái nhợt ; thầy bèn quay… “ nước Pháp muôn năm ”; rồi thầy … đi đi thôi.→ Đau đớn, xúc động đến cực điểm.

- Miêu tả nhân vật qua : ngoại hình, cử chỉ, lời nói, hành động. =>Thầy Ha-men yêu trò, yêu nghề dạy học ; Đề cao, trân trọng, khẳng định sức mạnh tiếng nói dân tộc.

=> Lòng yêu nước sâu sắc

**III. Tổng kết :**

**1. Nghệ thuật :**- Kể chuyện bằng ngôi thứ nhất. Xây dựng tình huống truyện độc đáo.

- Miêu tả tâm lí nhân vật qua tâm trạng, suy nghĩ, ngoại hình.

- Ngôn ngữ tự nhiên, sử dụng câu văn biểu cảm, từ cảm thán và các hình ảnh so sánh.

 **2. Ý nghĩa:**Tiếng nói là một giá trị văn hóa cao quý của dân tộc, yêu tiếng nói là yêu văn hóa dân tộc. Tình yêu tiếng nói dân tộc là một biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. Sức mạnh của tiếng nói dân tộc là sức mạnh của văn hóa, không một thế lực nào có thể thủ tiêu. Tự do của một dân tộc gắn liền với việc giữ gìn và phát triển tiếng nói dân tộc mình.

- Tác giả là người yêu nước, yêu độc lập tự do, am hiểu sâu sắc về tiếng mẹ đẻ.

**VI. Câu hỏi : ?**Em đã làm gì để giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt ?

?Em có suy nghĩ gì về nghề dạy học hiện nay và thái độ của một số học sinh có hành vi không tốt trong lớp học ?

**Dặn dò:** Chép bài vô vở , đọc lại vbản. Nắm được tác giả tác phẩm .Học thuộc tổng kết

Đọc lại văn bản, nắm vững những chi tiết miêu tả tiêu biểu, học ý nghĩa và nghệ thuật trong bài.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 24 tiết 88 Tiếng việt: **NHÂN HÓA**

**I. Nhân hoá là gì ?**

**1. T×m hiÓu VD:** (SGK - tr 56-57)

- C¸c sù vËt ®­îc nãi ®Õn trong khæ th¬: Trêi, c©y mÝa, kiÕn.

- C¸c sù vËt Êy ®­îc g¸n cho hµnh ®éng cña con ng­êi: chuÈn bÞ chiÕn ®Êu: MÆc ¸o gi¸p, ra trËn, móa g­¬m, hµnh qu©n.

- C¸ch gäi tªn c¸c sù vËt kh¸c nhau:

+ Gäi trêi b»ng «ng. Dïng lo¹i tõ gäi ng­êi ®Ó gäi sù vËt.

+ C©y mÝa, kiÕn: Gäi tªn b×nh th­êng.

- So s¸nh hai c¸ch diÔn ®¹t:

+ C¸ch diÔn ®¹t ë môc I.2 chØ cã tÝnh chÊt miªu t¶, t­êng thuËt.

+ C¸ch diÔn ®¹t ë môc I.1 bµy tá th¸i ®é t×nh c¶m cña con ng­êi - ng­êi viÕt=>Nhân hóa

**2. Kết luận:** Ghi nhớ 1(sgk trang 57)

**II. Các kiểu nhân hóa :**

**1. T×m hiÓu VD:** (SGK - tr 57)

 C¸c sù vËt ®­îc nh©n ho¸:

a. MiÖng, tai, m¾t ,ch©n, tay->dïng tõ ng÷ vèn gäi ng­êi ®Ó gäi mét sè vËt

b.Tre-> Dïng tõ ng÷ vèn chØ hµnh ®éng, tÝnh chÊt ng­êi ®Ó chØ hµnh ®éng, tÝnh chÊt cña vËt.

 c. Tr©u->Trß chuyÖn, x­ngh« víi vËt nh­ víi ng­êi.

 **2. Kết luận:** Ghi nhớ 2SGK- Tr58

**III. Luyện tập**: Bài tập 1,2,3,4,5 SGK 58

**1.** Phép nhân hóa và tác dụng: Đông vui ; tàu mẹ, tàu con anh, em tíu tít nhận hàng về và chở hàng ra; bận rộn. => Quang cảnh trên bến cảng được miêu tả sống động hơn

**2.** So sánh cách diễn đạt ở 2 đoạn văn

\* Đoạn văn 1: Sử dụng nhiều biện pháp nhân hoá → Sinh động, gợi cảm

**3**. Cách 2 dùng nhiều phép nhân hóa, ngay cả từ chổi rơm cũng được viết hoa như tên riêng của người làm cho việc miêu tả chổi gần gũi với cách miêu tả.

=> Tính biểu cảm cao, chổi rơm gần gũi với con người, sống động hơn (chọn viết văn biểu cảm)

**VI. Dặn dò**

- Học ghi nhớ 1và 2. Nắm vững nội dung bài học để áp dụng vào giao tiếp, viết văn

**Câu hỏi: -Bài tập làm vào vở** 4,5 sgk trang 59

 **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 24 tiết 89 Tập làm văn: **PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI**

**I. Phương pháp viết một đoạn văn, bài văn tả người:**

**1. T×m hiÓu các đoạn văn:** (SGK-Tr59,60,61)

a. b.- Đoạn a t¶ D­îng H­¬ng Th­ - Ng­êi chÌo thuyÒn, v­ît th¸c (Nh­ mét pho t­îng ®ång ®óc, b¾p thÞt cuån cuén...)

- Đoạn b T¶ Cai Tø - Ng­êi ®µn «ng gian hïng( mÆt vu«ng, m¸ hãp, l«ng mµy læm nhæm, ®«i m¾t gian hïng, måm toe toÐt, tèi om, r¨ng vµng hîm...)

- Đoạn c T¶ hai ®« vËt tµi, m¹nh: Qu¾m ®en vµ ¤ng C¶n Ngò trong keo vËt ë §Òn §«.( L¨n x¶, ®¸nh r¸o riÕt, thÕ ®¸nh l¾t lÐo, hãc hiÓm, tho¾t biÕn ho¸ kh«n l­êng...døng nh­ c©y trång gi÷a xíi, thß tay nhÊc bæng nh­ gi¬ con Õch cã buéc sîi d©y ngang bông, thÇn lùc ghª gím..)

- §o¹n 2: ChØ t¶ ch©n dung nh©n vËt Cai Tø

- §o¹n 1,3: TËp trung miªu t¶ ch©n dung nh©n vËt kÕt hîp víi hµnh ®ộng

c. §o¹n v¨n thø 3 gÇn nh­ mét bµi v¨n miªu t¶ hoµn chØnh cã ba phÇn:

- Më ®o¹n: (Đoạn 1) C¶nh keo vËt chuÈn bÞ b¾t ®Çu.

- Th©n ®o¹n: (Đoạn 2,3,4) DiÔn biÕn cña keo vËt

- KÕt đo¹n: (Đoạn cuối) Mäi ng­êi kinh sî tr­íc thÇn lùc ghª gím cña «ng C·n Ngò.

§Æt nhan ®Ò cho bµi v¨n: - Keo vËt th¸ch ®Êu. Qu¾m §en th¶n h¹i

**2. Kết luận(** Ghi nhí SGK- Tr 61)

**II. Luyện tập**:

**Bài tập 1/SGK :** Gợi ý nêu chi tiết tiêu biểu miêu tả đối tượng

- Tả em bé : Mắt tròn xoe, tóc đen mượt, mũm mĩm đáng yêu, nước da trắng như bột, nhanh nhẹn.

- Tả cụ già : Tóc bạc, móm mém, da hằn lên vết nhăn thời gian, lưng còng, bước đi chậm chạp…

- Tả cô giáo đang giảng bài: Giọng nói ấm áp, nét mặt tươi, ánh mắt long lanh nhìn hs âu yếm…

**-Bài tập làm vào vở Bài 2,3:** Lập dàn ý cho bài văn tả người thầy(cô) giáo mà em quý mến

Tuần 24 tiết 90,91 Văn bản: **ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ**(Minh Huệ)

**I. Tìm hiểu chung :**

**1. Tác giả, tác phẩm: (SGK 66)**

- Thể loại: Thơ 5 chữ

**II. Đọc - Hiểu văn bản:**

**1. Cái nhìn và tâm trạng của anh đội viên đối với Bác Hồ :**

\*Lần thứ nhất :

- H/cảnh : trời đã khuya .

- Bác ngồi trầm ngâm, đi dém chăn.

- Tâm trang : anh ngạc nhiên → xúc động ->Xúc động cao độ (Thổn thức cả nỗi lòng).

=>Miêu tả, hình ảnh so sánh, từ láy, câu nghi vấn ->Thương yêu, lo lắng cho sức khoẻ của Bác.

\* Lần thứ 3 :

- Hoàn cảnh: trời sắp sáng.

- Bác vẫn ngồi đinh ninh, chòm râu im phăng phắc.

- Tâm trạng: hốt hoảng ( Mời Bác ngủ…)

=> Miêu tả, đảo trật tự ngôn từ, từ láy… → Lòng yêu thương, cảm phục, ngưỡng vọng của anh đội viên → Đó cũng là tình cảm chung (kính yêu, biết ơn, niềm tự hào về lãnh tụ) của bộ đội, nhân dân ta đối với Bác.

**2. Hình tượng Bác Hồ :**

- Thời gian : trời khuya.

- Hình dáng, tư thế : lặng yên, trầm ngâm, đinh ninh, im phăng phắc. → Yên lặng, suy tư, lo nghĩ.

- Cử chỉ, hành động : dém chăn, nhón chân nhẹ nhàng. → Tình yêu thương sự chăm sóc.

- Lời nói : “ Chú cứ việc…đánh giặc” , “Bác thương …”. → Ân cần, lo lắng, nỗi lòng của Bác.

=>Miêu tả theo trình tự, từ láy, sử dụng ngôn từ...Bác giản dị, gần gũi, chân thực, lớn lao cùng sự yêu thương, chăm sóc ân cần của Bác đối với chiến sĩ, đồng bào.

**III. Tổng kết**:

**1. Nghệ thuật :**

- Lựa chọn, sử dụng thể thơ năm chữ. Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm.

- Lựa chọn, sử dụng lời thơ giản dị, có nhiều hình ảnh thể hiện tình cảm tự nhiên, chân thành.

- Sử dụng từ láy tạo giá trị gợi hình và biểu cảm, khắc họa hình ảnh cao đẹp về Bác Hồ kính yêu.

**2. Nội dung :**

- Thể hiện tấm lòng yêu thương bao la của Bác Hồ với bộ đội và nhân dân.

- Tình cảm kính yêu, cảm phục của bộ đội, của nhân dân ta đối với Bác.

**IV.** **Dặn dò :**- Đọc diễn cảm bài thơ. Học thuộc lòng 5 khổ thơ đầu

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 25 tiết 92 Tiếng việt**: ẨN DỤ**

**I. Ẩn dụ là gì ?**

**1. T×m hiÓu VD:** (SGK-Tr68)

\*VD1 SGK-Côm tõ **Ng­êi cha** chØ B¸c Hå. Ta biÕt ®­îc nhê ng÷ c¶nh cña khæ th¬ bµi th¬.

\* VD 2: Tè H÷u cã nhiÒu VD t­¬ng tù:

+ B¸c Hå, cha cña chóng con.

Hån cña mu«n hån.

+ Ng­êi lµ Cha, lµ B¸c, lµ Anh,

Qu¶ tim lín läc tr¨m dßng m¸u nhá.

 \*So s¸nh VD1 và VD2

- Gièng nhau: §Òu so s¸nh B¸c Hå víi ng­êi cha.

- Kh¸c nhau: Minh HuÖ l­îc bá vÕ A chØ cßn vÕ B

+ Tè H÷u kh«ng l­îc bámµ c©u thơ cßn nguyªn vÑn hai vÕ A vµ B.

-> PhÐp so s¸nh ®­îc l­îc bá vÕ A ng­êi ta gäi lµ phÐp so s¸nh ngÇm hay cßn gäi lµ **Èn dô.**

1. **Kết luận:** Ghi nhớ 1 SGK trang 68

**II. Các kiểu ẩn dụ :**

**1. T×m hiÓu VD:**

- VD1. VÒ th¨m nhµ B¸c lµng sen

Cã hµng r©m bôt **th¾p** lªn **löa** hång.

-> C¸c tõ th¾p, löa hångdïng ®Ó chØ hµng rµo hoa r©m bôt tr­íc cña nhµ b¸c ë lµng Sen.

Dùa trªn mèi t­¬ng ®åmg gi÷a mµu ®á cña hoa r©m bôt vµ h×nh ¶nh ngän löa. H×nh ¶nh hoa r©m bôt khe khÏ ®ung ®­a trong giã nh­ lµ ngän löa ®ang ch¸y. C¸ch vÝ dùa vµo h×nh thøc

=>***Ẩn dụ hình thức***

- VD2. Chao «i, tr«ng con s«ng, vui nh­ thÊy **n¾ng gißn tan** sau k× m­a dÇm, vui nh­ nèi l¹i chiªm bao ®øt qu·ng.

->N¾ng gißn tan: c¸ch vÝ von k× l¹ "Gißn tan" lµ ©m thamh, ®èi t­îng cña thÝnh gi¸c(tai) l¹i ®­îc dïng cho ®èi t­îng cña rhÞ gi¸c (m¾t)-> ë ®©y cã sù chuyÓn ®æi c¶m gi¸c tõ thÝnh gi¸c sang thÞ gi¸c=>***Ẩn dụ chuyÓn ®æi c¶m gi¸c***

Anh ®éi viªn nh×n B¸c...N»m

- VD3: **Người cha** mái tóc bạc... =>***Ẩn dụ phẩm chất***

a. **ThuyÒn** vÒ cã nhí bÕn ch¨ng

**BÕn** th× mét d¹ kh¨ng kh¨ng ®îi thuyÒn!

- NghÜa gèc: "thuyÒn" ph­¬ng tiÖn giao th«ngvËn t¶i ®­êng thuû. "BÕn" : Sù vËt ®Çu mèi giao th«ng.

- NghÜa chuyÓn: "ThuyÒn' chØ ng­êi ®i xa, "BÕn" chØ ng­êi chê ®îi.

- ThuyÒn vµ bÕn lµm ta liªn t­ëng tíi ng­êi con trai vµ ng­êi con g¸i yªu nhau, xa nhau, nhí yh­¬ng nhau->Dùa vµo c¸ch thøc. =>***Ẩn dụ c¸ch thøc***

1. **Kết luận:** Ghi nhớ 2 SGK trang 69

**III. Luyện tập :**

**Bài tập 1 :** So sánh cách diễn đạt**:** Cách 1: Diễn đạt bình thường

Cách 2: . sử dụng so sánh -> giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm.

Cách 3: Sử dụng ẩn dụ -> có tính hình tượng, biểu cảm và có tính hàm súc.

**VI. Dặn dò** Học ghi nhớ 1và 2 **-Bài tập làm vào vở Làm bài tập 2,3sgk trang 70**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 25 tiết 95  ***Văn bản:* LƯỢM** (Tố Hữu)

**I. Tìm hiểu chung :**

 **1. Tác giả , tác phẩm** SGK trang75

**- Thể thơ :** Bốn chữ

**II. Đọc - Hiểu văn bản :**

**1. Hình ảnh Lượm :**

**a. Lượm trước khi hi sinh:**

- Trang phục : + Cái xắc xinh xinh + Ca lô đội lệch

- Hình dáng : + Loắt choắt + Thoăn thoắt + Nghênh nghênh

- Cử chỉ : + Như con chim chích + Mồm huýt sáo + Cười híp mí

- Lời nói: + Đi liên lạc + Vui lắm + Thích hơn ở nhà

-> Miêu tả, từ láy, so sánh..

=> Lượm hồn nhiên, vô tư, nhanh nhẹn, yêu đời, say mê với công việc kháng chiến.

**b. Lượm trong khi làm nhiệm vụ và hi sinh :**

- Vụt qua mặt trận

- Đạn bay vèo vèo

-> Sử dụng động từ (Vụt), tính từ (Vèo vèo)-> Dũng cảm, quyết hoàn thành nhiệm vụ.

- Bỗng lòe chớp đỏ

 - Cháu nằm…giữa đồng” → Hi sinh anh dũng, nhẹ nhàng, thanh thản nhưng hình ảnh Lượm vẫn còn sống mãi với quê hương, đất nước.

**2. Tình cảm của nhà thơ :**

- Cách xưng hô : chú - cháu, đồng chí.

- Biểu hiện cảm xúc (câu thơ trình bày 2 dòng, 2 vế).

+ Lặp lại khổ thơ cuối.→ Thân thiết, trân trọng → Tác giả nghẹn ngào, đau xót

=> Lượm sống mãi trong tâm trí nhà thơ, với cuộc đời.

**III. Tổng kết :**

**1. Nghệ thuật :**

- Sử dụng thể thơ bốn chữ giàu chất dân gian, phù hợp với lối kể chuyện.

- Sử dụng nhiều từ láy có giá trị gợi hình và giàu âm điệu.

- Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt : miêu tả, tự sự và biểu cảm.

- Cách ngắt các dòng thơ : thể hiện đau xót, xúc động của tác giả khi hay Lượm hi sinh.

- Kết cấu đầu cuối tương -> nổi bật chủ đề.

**2. Nội dung :-** Khắc họa hình ảnh một chú bé hồn nhiên, dũng cảm hi sinh vì nhiệm vụ kháng chiến. Đó là một hình tượng cao đẹp trong thơ Tố Hữu.

- Thể hiện chân thật tình cảm mến thương và cảm phục của tác giả dành cho chú bé Lượm nói riêng và những em bé yêu nước nói chung.

**IV.** **Dặn dò :** Đọc diễn cảm bài thơ. Học thuộc lòng 2 đoạn thơ cuối của bài

 **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 25 tiết 96 **Tiếng việt: HOÁN DỤ**

**I. Hoán dụ là gì ?**

**1. Tìm hiểu ví dụ**(sgk trang 82)

+ áo nâu → những người nông dân.( Người nông dân thường mặc áo nâu)

+ áo xanh → những người công nhân. (Người công nhân thường mặc áo xanh khi làm việc).

-> Dựa vào quan hệ giữa đặc điểm, tính chất với sự vật có đặc điểm, tính chất đó

+nông thôn->những người sống ở nông thôn.

+ thị thành →những người sống ở nơi thành thị.

 ->Dựa vào quan hệ vật chứa đựng “nông thôn, thị thành” với vật bị chứa đựng “những người sống ở nông thôn và thành thị”.

- Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

***=>Hoán dụ***

**2. Kết luận: Ghi nhớ 1** (SGK/82)

**II. Các kiểu hoán dụ :**

**1. Tìm hiểu ví dụ**(sgk trang 83)

a. - “bàn tay” : Lấy một bộ phận để gọi toàn thể.

b. - “một” và “ba”: Lấy cái cụ thể để gọi cái trừư tượng.

c. -“đổ máu” Lấy dấu hiệu sự vật gọi sự vật.

 - “nông thôn”, “ thị thành”: Lấy vật chứa đựng gọi vật bị chứa đựng.

**2. Kết luận:** Có 4 kiểu hoán dụ (Ghi nhớ 2 SGK/83)

**III. Luyện tập**: **1. Bài tập 1 :** Chỉ ra hoán dụ, nêu mối quan hệ giữa các sự vật

a. Quan hệ vật chứa đựng / vật bị chứa đựng (Làng xóm - người nông dân).

b. Quan hệ cái cụ thể / cái trừu tượng (Mười năm thời gian trước mắt. Trăm năm thời gian lâu dài).

c. Quan hệ dấu hiệu sự vật / sự vật (Áo chàm - người Việt Bắc).

d. Quan hệ vật chứa đựng / vật bị chứa đựng (Trái đất - nhân loại).

**2. Bài tập 2/SGK 84 Các em làm vào vở**

**IV. Dặn dò:** Học thuộc 2 ghi nhớ hoàn thành bài tập 3

Tuần 26 tiết 97,98 *Văn bản :* **CÔ TÔ***( Nguyễn Tuân )*

**I.Tìm hiểu chung** :

**1. Tác giả:** SGK trang 90 **2. Tác phẩm :** SGK trang 90

**-**Thể loại: kí. - Phương thức biểu đạt :Miêu tả, tự sự biểu cảm

**II. Đọc - Hiểu văn bản** :

**1. Cảnh Cô Tô sau cơn bão:**

- Bầu trời trong trẻo, sáng sủa. - Cây xanh mượt.

- Nước biển lam biếc. - Cát vàng giòn.

-> Miêu tả bao quát, từ trên cao xuống, với nhiều giác quan ( thị giác, vị giác )..., tính từ ( trong trẻo, vàng giòn,…)=> Vẻ đẹp tươi sáng , phong phú, độc đáo. lộng lẫy.

**2. Cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô :**

- Trước khi mặt trời mọc : chân trời, ngấn bể sạch như một tấm kính . mặt trời nhú lên dần dần -> lên cho kì hết.

- Trong lúc mặt trời mọc : tròn trĩnh , phúc hậu, … mâm bạc… bình minh.

- Sau khi mặt trời mọc: vài chiếc nhạn… là là nhịp cánh.

-> Ẩn dụ, nhân hóa, so sánh...=> Bức tranh đẹp rực rỡ, lộng lẫy, tráng lệ.Tác giả là người trân trọng yêu thiên nhiên, khát vọng khám phá cái đẹp.

**3. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô :**

- Miêu tả : + Điểm không gian “ giếng nước ngọt ”.

 + Con người ở đảo.

-> Cảnh sinh hoạt tấp nập, đông vui, thân tình, êm ấm và hạnh phúc

=> Tác giả là người chân thành, thân thiện với con người và cuộc sống nơi đây.

**III. Tổng kết** : **1. Nghệ thuật :**- Khắc họa hình ảnh tinh tế, chính xác, độc đáo. Sử dụng các phép so sánh mới lạ và từ ngữ giàu tính sáng tạo.

**2. Ý nghĩa :** Vẻ đẹp độc đáo của thiên nhiên trên biển đảo Cô Tô, vẻ đẹp của người lao động trên vùng đảo này. Qua đó ta thấy được tình cảm yêu quý của tác giả đối với mảnh đất quê hương.

**IV. Dặn dò: Chép bài vô vở ,** đọc lại vbản. Nắm được tác giả tác phẩm .Học thuộc tổng kết

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tuần 26 tiết 99-100 *Văn bản :* **CÂY TRE VIỆT NAM** *(Thép Mới)*

**I.Tìm hiểu chung : 1. Tác giả :** \*SGK trang 98 **2. Tác phẩm:** \*SGK trang 98

- Thể loại **:**Kí (kết hợp thuyết minh) - Phương thức biểu đạt :Miêu tả, biểu cảm, thuyết minh

**II. Đọc - Hiểu văn bản**:

**1. Giới thiệu chung về cây tre Việt Nam :**

- Tre là bạn thân của nông dân Việt Nam. Có mặt ở khắp mọi nơi

- Dáng tre mộc mạc. Phẩm chất cứng cáp, dẻo dai , vững chắc, thanh cao giản dị, chí khí như người.

-> Nhân hóa, tính từ => Tre mang phẩm chất tốt đẹp của con người thanh cao, giản dị, bền bỉ.

**2. Tre gắn bó với con người VN :**

- Trong lao động , sinh hoạt : Giúp con người trăm công nghìn việc, vất vả, như cánh tay của người.

- Trong cuộc sống : ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp.

- Gắn bó với mọi lứa tuổi từ lúc nằm nôi -> chết.

->Nhân hóa, điệp từ.=> Sự gắn bó, chung thủy với con người.

- Tre trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc.- > Nhân hóa. Tre thẳng thắn, bất khuất, anh hùng, dũng cảm…

- Tre gắn bó với người trong hiện đại và tương lai-> tượng trưng cho con người, đất nước VN.

**III. Tổng kết : 1. Nghệ thuật:** Kết hợp chính luận , trữ tình.Hình ảnh phong phú, chọn lọc, cụ thể

- Lời văn giàu nhạc điệu, tính biểu cảm cao.Sử dụng nhiều Phép so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**2.Ý nghĩa:**Sự gắn bó của cây tre với dân tộc VN. Tác giả là người hiểu biết về cây tre, có tình cảm sâu nặng, niềm tin, tự hào về cây tre VN.

**IV. Dặn dò: Chép bài vô vở ,** đọc lại vbản. Nắm được tác giả tác phẩm .Học thuộc tổng kết